TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **59/2024**/DS-ST
Ngày: 26/4/2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Trúc Mai**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phùng Văn Long**

2. Ông **Lê Văn Minh**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Đàm Thị Ngọc Ánh**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số **40**/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2024/QĐXXST-DS ngày 19/03/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2024/QĐST-DS ngày 10/4/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị T, sinh năm 1950;

Địa chỉ: ấp Đ, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Có đại diện theo ủy quyền là anh Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp M, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Giấy ủy quyền ngày 11/12/2023)

- *Bị đơn:* Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1951;

Địa chỉ: ấp Đ, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1976; Địa chỉ: ấp M, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt anh T1, bà T; vắng mặt bà Ú)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, bản tường trình ngày 25/12/2023 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà* Nguyễn Thị T *và đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là anh* Nguyễn Hữu T1 *trình bày:*

Do quen biết, vào ngày 15/12/2022, bà Nguyễn Thị Ú có đến vay của bà T số tiền là 383.780.000 đồng, không tính lãi, thời hạn vay là 12 tháng (từ ngày 24/12/2022 đến ngày 24/12/2023). Bà Ú có viết biên nhận cho bà T, cam kết đến ngày 24/12/2023, sẽ trả đủ. Tuy nhiên, tính đến nay quá hạn đã lâu, nhưng bà Ú chỉ mới trả cho bà T được 50.000.000đồng, còn nợ lại 333.780.000đồng chưa trả.

Nay bà T yêu cầu bà Nguyễn Thị Ú phải trả cho bà số tiền 333.780.000đồng, ngay khi án có hiệu lực pháp luật; ngoài ra bà không yêu cầu trả lãi chậm trả.

* *Bị đơn bà* Nguyễn Thị Ú vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, mặc dù bà đã được Tòa án nhiều lần tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập tham dự các phiên hòa giải và công khai chứng cứ, tham dự phiên tòa sơ thẩm, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ. Bà cũng không nộp cho Tòa án văn bản phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – anh* Nguyễn Hữu T1 *trình bày:*

Anh là con rễ của bà Nguyễn Thị T, anh khẳng định bà T có cho bà Ú vay số tiền 383.780.000đồng, vì chính anh là người cầm số tiền này đưa cho bà Ú, giúp bà T viết giấy cho mượn tiền ngày 15/12/2022. Bà Ú có trả cho má vợ anh được 50.000.000đồng, rồi sau đó không trả nữa.

Nay anh thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Tại phiên tòa hôm nay

- Bà T và anh T1 (đại diện theo uỷ quyền của bà T) giữ nguyên và thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Ú tiếp tục vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn nhiều lần vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án nhiều lần tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham dự phiên tòa. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt bị đơn.

[2] - *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự, xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*".

[3] - *Về nội dung yêu cầu khởi kiện:*

Tại phiên tòa, nguyên đơn đã trình ra được bản chính Giấy cho mượn tiền được lập ngày 15/12/2022, nội dung thể hiện bà Nguyễn Thị T có cho bà Nguyễn Thị Ú vay số tiền là 383.780.000đồng, thời hạn vay là 12 tháng tính từ ngày 24/12/2022 đến ngày 24/12/2023, không thỏa thuận lãi suất. Giấy này có chữ ký và dấu lăn tay của bà Nguyễn Thị T; mặt sau giấy có nội dung "bà Ú trả vô 50.000.000đồng vào ngày 23/12/2022".

Đối với anh Nguyễn Hữu T1, tại tòa anh xác định lại anh chỉ là người giúp cho bà T lập Giấy cho mượn tiền ngày 15/12/2022, anh hoàn toàn không có giúp bà T đưa tiền cho bà Ú vay như đã từng trình bày, nên từ đó anh đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận cho yêu cầu khởi kiện của bà T và không yêu cầu gì cho anh.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần tống đạt hợp lệ cho bị đơn Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ, nhưng bị đơn không có văn bản phản hồi đối với các nội dung thể hiện trong các văn bản này.

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 463, Khoản 1 và Khoản 4 Điều 466, Hội đồng xác định quan hệ vay tiền giữa bà T và bà Ú thuộc trường hợp vay có kỳ hạn và không có lãi. Đến nay, bà Ú vẫn chưa trả đủ nợ gốc cho bà T, việc đó đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T, bà T khởi kiện yêu cầu bà Ú trả cho bà T số nợ gốc và không yêu cầu bà Ú trả lãi là hoàn toàn có căn cứ và có lợi cho bà Ú, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà Ú phải trả cho bà T 333.780.000đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] - *Về án phí*: Bà Ú phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463, Khoản 1 và Khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Buộc bị đơn Nguyễn Thị Ú trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc là **333.780.000 (ba trăm ba mươi ba triệu bảy trăm tám chục ngàn) đồng** ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà T *có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà* Ú *chậm thi hành số tiền nói trên cho bà* T *thì bà* Ú *còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Ú phải chịu 16.689.000 (mười sáu triệu sáu trăm tám mươi chín ngàn) đồng.

3/ Về quyền kháng cáo:

- Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Bà Nguyễn Thị Ú có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang.
- VKSND huyện C.
- Chi cục THADS.HCT.
- Các đương sự.
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

HUỲNH THỊ TRÚC MAI